

ĐIỂM THI

Lớp: Trung cấp lý luận chính trị khóa 10 (huyện Quảng Hòa)

Phần E.I - Thực tiễn và kinh nghiệm xây dựng, phát triển địa phương

Ngày thi: 25/11/2022

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bảng chữ			Số	Bảng chữ
1	Lục Thị Vân Anh	7.00	Bảy	41	Hoàng Văn Khỏe	7.00	Bảy
2	Đàm Thị Bằng	7.00	Bảy	42	Bế Thị Kiều	7.50	Bảy phẩy năm
3	Nông Thị Bé	8.00	Tám	43	Nguyễn Thị Hoài Lam	7.00	Bảy
4	Nguyễn Thị Biền	7.50	Bảy phẩy năm	44	Lục Thị Thúy Lâm	7.25	Bảy phẩy hai năm
5	Nguyễn Đình Chinh		Hoãn thi	45	Nông Minh Lệ	7.25	Bảy phẩy hai năm
6	Bế Đặng Chính	8.25	Tám phẩy hai năm	46	Nông Thị Linh	7.75	Bảy phẩy bảy năm
7	Phan Mạnh Cường	6.50	Sáu phẩy năm	47	Hứa Thị Loan	7.25	Bảy phẩy hai năm
8	Hà Thị Diệp	8.00	Tám	48	Lý Thị Minh	7.75	Bảy phẩy bảy năm
9	Nông Văn Đạt	7.00	Bảy	49	Hoàng Thị Minh	7.50	Bảy phẩy năm
10	Bế Thị Diệp	7.50	Bảy phẩy năm	50	Triệu Quang Mốt	6.50	Sáu phẩy năm
11	Tô Văn Dự	7.00	Bảy	51	Vương Thị Na	7.75	Bảy phẩy bảy năm
12	Hoàng Văn Dẫn	7.75	Bảy phẩy bảy năm	52	Nông Văn Nam	7.00	Bảy
13	Đàm Thị Dung	8.25	Tám phẩy hai năm	53	Hoàng Thị Nga	7.50	Bảy phẩy năm
14	Lương Văn Dưỡng	7.00	Bảy	54	Đàm Thị Thanh Nga	7.50	Bảy phẩy năm
15	Phan Thị Duyên	7.50	Bảy phẩy năm	55	Đinh Văn Nghĩa	7.75	Bảy phẩy bảy năm
16	Lý Thị Duyên	7.00	Bảy	56	Nguyễn Thị Ngọc	7.50	Bảy phẩy năm
17	Nông Văn Giang	8.00	Tám	57	Đinh Thị Nguyệt	8.00	Tám
18	Triệu Thị Hạ	7.50	Bảy phẩy năm	58	Lục Thị Nhung	7.00	Bảy
19	Ngô Thị Lệ Hằng	8.25	Tám phẩy hai năm	59	Đàm Thị Niêm	7.00	Bảy
20	Lý Thị Hằng	8.00	Tám	60	Lục Thị Kim Oanh	7.00	Bảy
21	Lã Thị Hạnh	7.50	Bảy phẩy năm	61	Nguyễn Lệ Quyên	7.25	Bảy phẩy hai năm

STT	Họ và tên	Điểm		STT	Họ và tên	Điểm	
		Số	Bằng chữ			Số	Bằng chữ
22	Đinh Thị Hậu	8.00	Tám	62	Hoàng Thị Tám	7.75	Bảy phẩy bảy năm
23	Ma Văn Hiến	7.00	Bảy	63	Đàm Hồng Tân		<i>Hoãn thi</i>
24	Nguyễn Thị Hiệp	7.50	Bảy phẩy năm	64	Đàm Văn Thắng	6.00	Sáu
25	Lưu Diệu Hoa	7.00	Bảy	65	Đinh Phương Thảo	7.25	Bảy phẩy hai năm
26	Lương Thị Hoa	8.00	Tám	66	Mông Thị Thảo	8.00	Tám
27	Lục Thị Hoài	7.50	Bảy phẩy năm	67	Nông Bích Thu	8.00	Tám
28	Nguyễn Thị Hoan	7.50	Bảy phẩy năm	68	Triệu Minh Thủy	7.00	Bảy
29	Hà Ngọc Hoàng	6.50	Sáu phẩy năm	69	Đàm Thị Thuyền	8.00	Tám
30	Hà Thị Hồng	8.00	Tám	70	Bế Thị Tiềm	7.00	Bảy
31	Phạm Thị Huân	7.00	Bảy	71	Nông Thị Tiến	7.75	Bảy phẩy bảy năm
32	Nông Thị Huệ	7.00	Bảy	72	Đỗ Văn Tĩnh	7.00	Bảy
33	Mông Thị Huệ	7.00	Bảy	73	Hoàng Thu Trang	7.75	Bảy phẩy bảy năm
34	Triệu Thị Thu Huệ	7.50	Bảy phẩy năm	74	La Thị Huyền Trang	8.00	Tám
35	Bế Thị Huệ	6.50	Sáu phẩy năm	75	Đỗ Thu Trang	8.25	Tám phẩy hai năm
36	Đinh Thị Huệ	8.00	Tám	76	Bế Văn Tư	6.50	Sáu phẩy năm
37	Ma Thúy Hương	8.00	Tám	77	Đàm Thúy Tuyên	8.00	Tám
38	Hoàng Quang Huy	8.00	Tám	78	Mã Thị Út	8.25	Tám phẩy hai năm
39	Hoàng Thị Huyền	7.75	Bảy phẩy bảy năm	79	Ma Ngọc Vĩnh	7.75	Bảy phẩy bảy năm
40	Lục Thị Huyền	8.00	Tám	80	Đàm Thị Vui	7.00	Bảy

Điểm 6.00: 01 điểm; Điểm 6.50: 05 điểm; Điểm 7.00: 21 điểm; Điểm 7.25: 05 điểm; Điểm 7.50: 14 điểm; Điểm 7.75: 10 điểm; Điểm 8.00: 17 điểm; Điểm 8.25: 05 điểm./.

GHI ĐIỂM

**PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO VÀ NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

HIỆU TRƯỞNG






Triệu Văn Lượng

Đoàn Thị Vân Thúy

Trịnh Thị Ánh Hoa